

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2019

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

2. Bà Mai Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị THồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Quang Mộng T, sinh năm 1972 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp H, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Phan Văn B (tự là Dồi), sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp H, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 07/5/2019 và trong quá trình tố tụng, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Châu Quang Mộng T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phan Văn B (Dồi) kết hôn với nhau vào năm 1991, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng bà về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Đến năm 2000, ông bà có ghe đi chở hàng thuê và sinh sống trên ghe, ông bà sống

êm ấm được gần 10 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, ông B sinh ra ăn chơi, không còn quan tâm đến gia đình vợ con, ông B lại sinh ra mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến việc ông bà bất đồng trong tình cảm vợ chồng, nên cả hai luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Từ tháng 03 năm 2013, ông bà ly thân nhau đến nay hơn 06 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phan Hải Đ, sinh ngày 20/10/1994 và Phan Hải A, sinh ngày 10/06/1996. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: không có

Bị đơn – Ông Phan Văn B (tự là Dồi): Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả Tthập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu của nguyên đơn và bị đơn (Bản sao); 02 Giấy khai sinh của Phan Hải Đ và Phan Hải A (Bản sao); Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân; Phiếu gửi bưu điện về việc gửi hồ sơ khởi kiện cho ông Phan Văn B;

- Bị đơn: Không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản không lấy được lời khai của ông Phan Văn B ngày 27/6/2019 và ngày 02/7/2019; Phiếu xác minh tình trạng cư trú của ông B tại Công an thị trấn C ngày 02/7/2019;

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Châu Quang Mộng T với ông Phan Văn B (Dồi); Về con chung: Do các con chung của bà T và ông B đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà T trình bày không

có nên không đặt ra xem xét; Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Châu Quang Mộng T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn B (tự là Dồi), do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phan Văn B (tự là Dồi) có nơi cư trú tại tổ 16, ấp H, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. (Thể hiện tại Phiếu xác minh hộ khẩu ngày 02/7/2019 - Bút lục số 38), theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Phan Văn B (tự là Dồi) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân:

Theo lời trình bày của bà T, bà và ông B kết hôn với nhau vào năm 1991, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa ông bà xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục theo bà T, cuộc sống vợ chồng chỉ êm ấm được gần 10 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, do ông B sinh ra ăn chơi, không còn quan tâm đến gia đình vợ con và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến việc bất đồng trong tình cảm vợ chồng, cả hai luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm, bà và ông B đã ly thân từ tháng 03 năm 2013 đến nay hơn 06 năm. Nay bà T kiên quyết ly hôn.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu, trong Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 07/5/2019, nội dung: “*Qua trích lục hồ sơ kết hôn lưu tại UBND TT An Châu không tìm thấy thông tin kết hôn giữa ông Phan Văn B, sn: 1975 và bà Châu Quang Mộng T, sn: 1972 lưu tại UBND TT An Châu từ năm 1991 đến nay*” (Bút lục số 11).

Từ những nêu trên, xác định bà T và ông B chung sống như vợ chồng từ năm 1991 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, trường hợp nam nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết bà được ly hôn với ông B, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”, hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Châu Quang Mộng T và ông Phan Văn B (tự là Dồi) là vợ chồng.

2.2 *Về con chung*: Giữa bà T và ông B có 02 con chung tên Phan Hải Đ, sinh ngày 20/10/1994 và Phan Hải A, sinh ngày 10/06/1996. Bà T không yêu cầu giải quyết vì con đã trưởng thành và có khả năng lao động, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.3 *Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng*: Bà T trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà T là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà T và ông B có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Không công nhận bà Châu Quang Mộng T và ông Phan Văn B (tự là Dồi) là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Châu Quang Mộng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014270 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Châu Quang Mộng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2019).

Ông Phan Văn B (tự là Dồi) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh